TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 121/2026/QĐST–HNGĐ	

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2026/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026. Giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh ngày 20/6/1966; CCCD 051166003090. Địa chỉ: thôn 10, xã Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Đào Như T(tên gọi khác: Đào Phú T), sinh ngày 10/6/1952; CCCD 051052004551. Địa chỉ: thôn 10, xã Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Đào Như T(tên gọi khác: Đào Phú T).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: bà N, ông T xác định có 06 con chung là Đào Thị Ánh T1, sinh ngày 01/11/1988; Đào Thị Tuyết T2, sinh ngày 24/02/1989; Đào Thị Huỳnh Thanh T3, sinh ngày: 21/12/1994; Đào Huỳnh Phương T4, sinh ngày: 10/8/1998; Đào Huỳnh Thúy H, sinh ngày: 09/3/2000; Đào Huỳnh Liên K, sinh ngày: 10/12/2003;

cả hai xác định 06 con chung đã thành niên và có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu gì về con chung.

- *Về tài sản chung*: bà N, ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: bà N, ông T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Huỳnh Thị Tuyết N thỏa thuận chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010698 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Tuyết N số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng – Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nghiêm Văn Hải